

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 20-7-2023
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS, ngày 20/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 16/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST- DS, ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch – Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Người làm chứng: Anh Phan Mạnh C – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đức L, xã Đăk S, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nhận ngày 09/3/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 13/4/2021, giữa bà Ch và bà Nguyễn Thị X có chốt lại số nợ phát sinh từ năm 2017 cụ thể: Bà X cam kết đến ngày 01/12/2021 bà X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch tổng số tiền là 32.420.000đồng trong đó: tiền gốc là 20.000.000đồng, tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng từ năm 2017 đến ngày 01/12/2021 là 12.420.000đồng, các bên có lập giấy cam kết trả nợ. Ngày

30/7/2021, bà Ch cho bà X vay 1.200kg cà phê nhân, hạn đến tháng 12 năm 2021 sẽ trả, khi vay các bên lập giấy vay nợ. Ngày 06/4/2023 bà X trả cho bà Ch được số tiền lãi là 3.350.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) tuyên buộc bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ thanh toán 1.200kg cà phê nhân xô và số tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi là 12.420.000đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 02/12/2021 đến ngày xét xử (20/7/2023) là $20.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 3.927.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số), trong đó bà X đã trả được số tiền lãi 3.350.000 đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử 20/7/2023 mà bà Nguyễn Thị X phải thanh toán là $12.420.000 \text{ đồng} + 3.927.000 \text{ đồng} - 3.350.000 \text{ đồng} = 12.997.000 \text{ đồng}$, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức 1%/tháng trên số nợ gốc 20.000.000 đồng đối với khoản tiền mà bà X còn nợ cho đến khi trả xong.

Lời khai của bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X thừa nhận: Ngày 13/4/2021, bà X và bà Nguyễn Thị Ch có chốt lại số nợ phát sinh từ năm 2017 cụ thể: Bà X cam kết đến ngày 01/12/2021 sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch tổng số tiền là 32.420.000đồng trong đó: tiền gốc là 20.000.000đồng, tiền lãi là 12.420.000đồng. Ngày 06/4/2023, bà X đã trả cho bà Ch số tiền là 3.350.000đồng (bà Ch có ký giấy xác nhận việc trả nợ), số tiền này bà X đề nghị trừ vào tiền lãi phát sinh từ ngày 02/12/2021 đến nay. Ngoài ra, ngày 30/7/2021, bà X có vay của bà Ch 1.200kg cà phê nhân, hạn đến tháng 12 năm 2021 sẽ trả, khi vay các bên lập giấy vay nợ do anh Phan Mạnh C là con trai bà X viết và ký người làm chứng, còn bà X ký xác nhận người vay.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X cung cấp 02 giấy gồm: 01 giấy đề ngày 5.1.2017 ghi chị Xuân trả tiền lãi cho cô Chiến đến ngày 16-1-2017 số tiền 6.000.000 đồng, có người nhận tiền là Nguyễn Thị Ch và người trả Xuân và 01 giấy ghi cô Xuân trả cho Chiến 3 tháng tiền lãi 18.000.000 có ghi chữ Ch.

Tại phiên tòa, bà X thừa nhận và đồng ý trả số nợ trên cho bà Ch, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần với phương án: Đối với cà phê xin trả trong hai năm vào ngày 15/12/2023 trả 06 tạ cà phê nhân, ngày 15/12/2024 trả 6 tạ cà phê nhân còn lại. Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng bà xin trả dần.

- *Đối với người làm chứng là anh Phan Mạnh C:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho C do bà Nguyễn Thị X là mẹ nhận thay. Tại biên bản xác nhận sự vắng mặt của đương sự ngày 13/6/2023, bà X cho biết hiện tại, anh C đang đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch, buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho bà Ch 1.200kg cà phê nhân và số tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/12/2021 là 9.070.000 đồng, tiếp tục tính lãi theo mức 1%/tháng trên số nợ gốc 20.000.000 đồng từ ngày 02/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị X có địa chỉ tại Thôn Đức L, xã Đắc S, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa, sau khi làm rõ nội dung tranh chấp bà Ch yêu cầu HĐXX giải quyết, buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán 1.200kg cà phê nhân và số tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi là 12.997.000 đồng tính đến ngày xét xử (20/7/2023), tiếp tục tính lãi theo mức 1%/tháng trên số nợ gốc 20.000.000 đồng mà bà X còn nợ cho đến khi trả xong. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/4/2021 giữa bà X và bà Ch có thỏa thuận chốt lại số nợ và cam kết thời hạn trả nợ là ngày 01/12/2021. Ngày 30/7/2021, bà X có vay của bà Ch 1.200kg cà phê nhân, hẹn đến tháng 12 năm 2021 sẽ trả. Kể từ thời điểm bà Nguyễn Thị X vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện ngày 09/3/2023 vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự(BLT TDS); Điều 429 Bộ luật Dân sự(BLDS) năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét nội dung khởi kiện của bà Ch yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả số tiền gốc và lãi theo như thỏa thuận cam kết trả nợ đến ngày 01/12/2021 với số tiền gốc và lãi là 32.420.000 đồng và buộc bà X phải tiếp tục trả lãi suất tính từ ngày 02/12/2021 đến ngày xét xử (20/7/2023) là 20.000.000 đồng x 1%/tháng x 01 năm 07 tháng 19 ngày = 3.927.000 đồng (làm tròn số), trong đó bà X đã trả được số tiền lãi 3.350.000 đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử 20/7/2023 mà bà Nguyễn Thị X phải thanh toán là 12.420.000 đồng + 3.927.000 đồng - 3.350.000 đồng = 12.997.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức 1%/tháng trên số nợ gốc 20.000.000 đồng đối với khoản tiền mà bà X còn nợ cho đến khi trả xong và trả cho bà Ch số cà phê nhân đã mượn là 1.200kg với giá cà phê tại thời điểm hiện nay là 66,600 đồng/01kg x 1.200kg = 79.920.000 đồng (*Bảy chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*). Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu của đương sự: Việc bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Ch có chốt lại số nợ còn lại vào ngày 13/4/2021 là có thật thể hiện qua giấy cam kết trả nợ ghi ngày 13/4/2021 có chữ ký của bà Ch và bà X. Đối với giấy do Phan Mạnh C là con bà Nguyễn Thị X ghi người làm chứng, có chữ ký của bà Nguyễn Thị X vào ngày 30/7/2021 DL vay chị Nguyễn Thị Ch một tấn hai tạ cà phê (1200kg) cà nhân hẹn đến tháng 12/2021 sẽ hoàn trả. Điều này thể hiện việc vay mượn giữa các bên là có thật, nội dung và mục đích của giấy cam kết trả nợ và giấy vay cà phê thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 BLDS thì việc chốt lại số nợ còn lại vào ngày 13/4/2021 và giao dịch vay cà phê vào ngày 30/7/2021 giữa bà Ch và bà X đủ điều kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền, trả cà phê của bên vay khi đến hạn. Nội dung giấy cam kết trả nợ ghi ngày 13/4/2021 và giấy vay cà phê vào ngày 30/7/2021 thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc bà X có chốt nợ theo giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 và theo giấy vay cà phê ngày 30/7/2021 DL là có thật, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Đến hạn trả nợ bà X không trả cho bà Ch số tiền gốc 20.000.000 đồng mà mới chỉ trả được 3.350.000 đồng tiền lãi vào ngày 06/4/2023. Như vậy, bà X đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo Điều 315 của BLDS “*1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa*

vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.

Điều 466 của BLDS quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Do bà X vi phạm nghĩa vụ nên bà Ch khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền gốc và lãi theo giấy cam kết trả nợ ghi ngày 13/4/2021 và giấy vay cà phê vào ngày 30/7/2021 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất: Theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021, khi các bên chốt lại số nợ đã thể hiện khoản tiền lãi phát sinh từ năm 2017 đến thời điểm bà X có nghĩa vụ trả nợ (ngày 01/12/2021) là 1%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà X cũng đồng ý tiếp tục trả lãi theo mức các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung thỏa thuận của các bên tại Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 và thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án về mức lãi suất là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

....”

Như vậy, bà X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch khoản tiền lãi theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 là 12.420.000đồng, và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 02/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/7/2023) là: $20.000.000 \text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 3.927.000 \text{đồng}$, trong đó bà X đã trả được 3.350.000đồng, còn nợ lại số tiền lãi là 577.000đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử (20/7/2023) mà bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho bà Ch là: $12.420.000 \text{đồng} + 577.000 \text{đồng} = 12.997.000 \text{đồng}$.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X cung cấp cho HĐXX 02 giấy trong đó 01 giấy đề ngày 5.1.2017 ghi chi Xuân trả tiền lãi cho cô Chiến đến ngày 16-1-2017 số tiền 6.000.000 đồng, có người nhận tiền là Nguyễn Thị Ch và người trả Xuân và 01 giấy ghi cô Xuân trả cho Ch 3 tháng tiền lãi 18.000.000 có ghi chữ Chiến. Theo đó, HĐXX cũng đã làm rõ được đối với 01 giấy đề ngày 5.1.2017 ghi chi Xuân trả tiền lãi cho cô Ch đến ngày 16-1-2017 số tiền 6.000.000 đồng, số tiền này đã được trừ vào số tiền khi hai thống nhất lập giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021, do trong quá trình Tòa án giải quyết bà không có giấy này cung cấp nhưng sau đó bà về tìm thì thấy nên mới giao nộp cho HĐXX, còn đối với 01 giấy

ghi cô Xuân trả cho Ch 3 tháng tiền lãi 18.000.000 có ghi chữ Ch cũng được HĐXX làm rõ đối với số tiền 18.000.000 đồng đó đã trả vào tiền lãi trong suốt quá trình bà X vay bà Ch và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hai bà X và Chiến đã thống nhất được toàn bộ nội dung trên. 02 giấy này do bà X về kiểm thấy nên giao cho HĐXX trong quá trình xét xử và đã được HĐXX làm rõ.

Tại phiên tòa HĐXX cũng đã làm rõ đối với việc trả nợ thì bà Nguyễn Thị Ch chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị X trả nợ.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch 1.200kg (*Một nghìn hai trăm kilogram*) cà phê nhân và tổng số tiền là: 32.997.000 đồng (*Ba mươi hai triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 12.997.000 đồng (*Mười hai triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*). Từ ngày 21/7/2023, bà X phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) do vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: 32.997.000 đồng (*Ba mươi hai triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) x 5% = 1.649.000 đồng (làm tròn số).

Đối với 1.200 kg cà phê nhân xô x 66.600 đồng x 5% = 3.996.000 đồng.

Tổng cộng số tiền án phí bà X phải chịu: 1.649.000 đồng + 3.996.000 đồng = 5.645.000 đồng (*năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.656.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007165 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 191, khoản 3 Điều 144, Điều 147 của BLTTDS;

Áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch 1.200kg (Một nghìn hai trăm kilogram) cà phê nhân và tổng số tiền là: 32.997.000 đồng (Ba mươi hai triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 12.997.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2023) bà Nguyễn Thị X tiếp tục chịu lãi suất theo mức 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ số tiền 5.645.000 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị X. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Chiến số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.656.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007165 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: *Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng Huệ

Về yêu cầu tính lãi suất: Theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021, khi các bên chốt lại số nợ đã thể hiện khoản tiền lãi phát sinh từ năm 2017 đến thời điểm bà X có nghĩa vụ trả nợ (ngày 01/12/2021) là 1%/tháng. Do bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo Điều 357 của Bộ luật dân sự thì bà Ch có quyền yêu cầu bà X phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do bà Ch và bà X thỏa thuận được lãi suất chậm trả nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Điều 468 của BLDS quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà X cũng đồng ý tiếp tục trả lãi theo mức các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung thỏa thuận của các bên tại Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 và thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án về mức lãi suất là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

....”

Như vậy, bà X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch khoản tiền lãi theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 là 12.420.000đồng, và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 02/12/2021 đến ngày xét xử (ngày 04/7/2023) là: $20.000.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 3.806.000\text{đồng}$, trong đó bà X đã trả được 3.350.000đồng, còn nợ lại số tiền lãi là 456.000đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử (04/7/2023) mà bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho bà Ch là: 12.876.000đồng.

Ngày 09/3/2023, bà Chiến nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Hợp đồng vay tài sản giữa bà Ch và bà X là hoàn toàn có thật, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil gồm: giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 và giấy xác nhận vay cà phê ngày 30/7/2021 là bản gốc, có chữ ký của bà X và được bà X thừa nhận, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa bà Ch và bà X tại Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 thì ngày 01/12/2021, bà X phải có nghĩa vụ trả cho bà Chiến số tiền là 32.420.000 đồng trong đó: tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng từ năm 2017 đến ngày 01/12/2021 là 12.420.000 đồng. Nội dung thỏa thuận giữa bà Ch và bà X tại giấy xác nhận vay cà phê ngày 30/7/2021 thì đến tháng 12 năm 2021 bà X có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ch số cà phê đã vay là 1.200kg cà phê nhân. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán bà X không trả tiền, cà phê đã vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Vì vậy, căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch, buộc bà X phải trả cho bà Chiến số tiền gốc là 20.000.000 đồng và 1.200kg cà phê nhân.

[3.2]. Về lãi suất: Theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021, khi các bên chốt lại số nợ đã thể hiện khoản tiền lãi phát sinh từ năm 2017 đến thời điểm bà X có nghĩa vụ trả nợ (ngày 01/12/2021) là 1%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà X cũng đồng ý tiếp tục trả lãi theo mức các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung thỏa thuận của các bên tại Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 và thỏa thuận của

nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án về mức lãi suất là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

....”

Như vậy, bà X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch khoản tiền lãi theo Giấy cam kết trả nợ ngày 13/4/2021 là 12.420.000đồng, và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 02/12/2021 đến ngày xét xử (ngày 04/7/2023) là: $20.000.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 3.806.000\text{đồng}$, trong đó bà X đã trả được 3.350.000đồng, còn nợ lại số tiền lãi là 456.000đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử (04/7/2023) mà bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho bà Ch là: 12.876.000đồng.

Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch 1.200kg (Một nghìn hai trăm kilogram) cà phê nhân và tổng số tiền là: 32.876.000đồng (Ba mươi hai triệu, tám tám bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là: 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 12.876.000đồng (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Từ ngày 05/7/2023, bà X phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc do vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Chiến.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Chiến tổng số tiền là: 32.876.000đồng (*Ba mươi hai triệu, tám tám bảy mươi sáu nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 12.876.000đồng (*Mười hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05-7-2023) bà Nguyễn Thị X tiếp tục chịu lãi suất theo mức 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Chiến 1.200kg (*Một nghìn hai trăm kilogram*) cà phê nhân.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị X. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Chiến số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.656.000đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007165 ngày 16-3-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hồng Huệ

